

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG SƠN NAM
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND Thành phố Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 23/7/2025 của UBND phường về phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 01/BC-KTNS ngày 23/7/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2025 như sau

1. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương: 371,675 tỷ đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 326,025 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 45,650 tỷ đồng. Gồm:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 31,676 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên: 13,974 tỷ đồng.

2. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 371,675 tỷ đồng.

2.1. Chi ngân sách phường theo lĩnh vực: 357,701 tỷ đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 316,060 tỷ đồng

- Chi thường xuyên: 37,642 tỷ đồng

- Chi dự phòng: 3,999 tỷ đồng

2.2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 13,974 tỷ đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân phường giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; trong đó tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

- Ngay sau khi có Nghị quyết của HĐND phường về phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2025, UBND phường ban hành ngay quyết định giao dự toán cho các đơn vị, đồng thời giao ngay nhiệm vụ Chủ tài khoản và kế toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc UBND phường để các đơn vị chủ động triển khai thực hiện dự toán được giao.

- Thực hiện nghiêm chính sách tài khóa, phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2025 để có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán được giao và xử lý các nhiệm vụ phát sinh. UBND phường chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, tăng cường công tác kiểm tra thuế chống thất thu, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, trốn thuế. phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp kê khai không đúng, gian lận chôn thuế.

- Quản lý ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng định mức chi tiêu và chế độ tài chính hiện hành, có hiệu quả. Chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, tổ chức chi ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển. Thực hiện tốt công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, phân đầu đạt và vượt dự toán giao thu. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý thu, thu hồi nợ thuế, chống thất thu, nhất là các khoản thu từ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...

- Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu công, đảm bảo chi đúng dự toán được giao và các khoản chi được chuyển nguồn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị quản lý



nhà nước theo qui định, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, khánh tiết, đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý, chi ngân sách nhà nước.

- Hạn chế tối đa bổ sung kinh phí ngoài dự toán cho các mục đích: tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm, lễ hội, khánh tiết,...dành nguồn kinh phí để phòng chống dịch, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, thực hiện các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và cải cách chính sách tiền lương.

- Trường hợp thu ngân sách địa phương dự kiến giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân phường xây dựng phương án điều hành để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến con người, an sinh xã hội.

- Thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo các Nghị quyết và Chỉ thị của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp thứ Hai nhất trí thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân phường thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị của phường;
- Lưu VT.



Lương Công Chanh

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 09/NO-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán thu NSNN trên địa bàn		Tổng thu đơn vị được hưởng	
		UBND tỉnh giao	HĐND phường Sơn Nam giao	UBND tỉnh giao	HĐND phường Sơn Nam giao
	Tổng cộng (I+II)	508.850.000.000	1.261.750.500.000	127.292.300.000	371.675.300.000
I	Thu ngân sách trên địa bàn	465.974.000.000	1.216.100.500.000	84.416.300.000	326.025.300.000
1	Thuế GTGT của hộ cá thể	1.787.000.000	1.787.000.000	714.800.000	714.800.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.480.000.000	1.480.000.000	1.184.000.000	1.184.000.000
3	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	7.870.000.000	7.870.000.000	1.574.000.000	1.574.000.000
4	Thu phí và lệ phí	95.000.000	95.000.000	95.000.000	95.000.000
5	Thu hoa lợi công sản tại xã	640.000.000	640.000.000	640.000.000	640.000.000
6	Thu khác ngân sách	165.000.000	165.000.000	165.000.000	165.000.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	5.357.000.000	8.084.500.000	2.233.500.000	3.324.500.000
7.1	Chuyển nhượng bất động sản	4.450.000.000	7.177.500.000	1.780.000.000	2.871.000.000
7.2	Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân	907.000.000	907.000.000	453.500.000	453.500.000
8	Thu tiền sử dụng đất	445.100.000.000	1.191.443.000.000	76.070.000.000	316.060.000.000
9	Lệ phí trước bạ	3.480.000.000	4.536.000.000	1.740.000.000	2.268.000.000
9.1	Lệ phí trước bạ nhà đất	3.480.000.000	4.536.000.000	1.740.000.000	2.268.000.000
II	Thu bổ sung ngân sách	42.876.000.000	45.650.000.000	42.876.000.000	45.650.000.000
1	Bổ sung cân đối NSNN	31.676.000.000	31.676.000.000	31.676.000.000	31.676.000.000
2	Bổ sung mục tiêu NS	11.200.000.000	13.974.000.000	11.200.000.000	13.974.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

STT	Tên đơn vị	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND phường Sơn Nam giao	Chi tiết	
				Lương, PC, đóng góp	Chi hoạt động, NVCM
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	127.292.300.000	371.675.300.000	24.256.497.598	347.418.802.402
A	CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	116.092.300.000	357.701.300.000	24.256.497.598	333.444.802.402
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	76.070.000.000	316.060.000.000	0	316.060.000.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	76.070.000.000	316.060.000.000		316.060.000.000
2	Chi thường xuyên (1)	37.642.300.000	37.642.300.000	24.256.497.598	13.385.802.402
2.1	Quốc phòng:		1.460.651.000	1.040.651.000	420.000.000
2.2	An ninh		1.726.780.000	1.416.780.000	310.000.000
2.3	Sự nghiệp văn hóa - thể thao và truyền thanh		3.086.372.000	1.335.172.000	1.751.200.000
2.3.1	Văn hóa - thể thao - truyền thanh, trong đó:		1.194.024.000	115.024.000	1.079.000.000
-	Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa		20.000.000		20.000.000
-	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố Đằng Châu, P. Lam Sơn		500.000.000		500.000.000
-	Đại hội thể dục thể thao		370.000.000		370.000.000
-	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình		217.024.000	115.024.000	102.000.000
2.3.2	Sự nghiệp Y tế, dân số KHH gia đình: Trong đó:		856.220.000	330.020.000	526.200.000
-	Cải tạo, sửa chữa mái và khuôn viên trạm y tế xã Hùng Cường		500.000.000		500.000.000
2.3.3	Sự nghiệp bảo đảm xã hội		1.036.128.000	890.128.000	146.000.000
2.4	Sự nghiệp bảo vệ môi trường		270.000.000	0	270.000.000
2.5	Sự nghiệp kinh tế		1.077.304.000	147.304.000	930.000.000
-	Giao thông		75.000.000	0	75.000.000
-	Sự nghiệp Nông nghiệp		242.304.000	147.304.000	95.000.000
-	Thuỷ lợi nội đồng:		260.000.000		260.000.000
-	Sự nghiệp Thị chính		500.000.000	0	500.000.000
+	Sửa chữa, bảo dưỡng bồn hoa trung tâm KDC mới số 1 xã Bảo Khê		500.000.000		500.000.000
2.6	Quản lý hành chính NN, Đảng, Đoàn thể		29.639.770.000	20.011.167.598	9.628.602.402
2.6.1	Quản lý nhà nước		12.757.970.000	7.363.841.598	5.394.128.402
2.6.1.1	Văn phòng HĐND - UBND, trong đó:		9.231.851.000	4.782.922.598	4.448.928.402
-	Kinh phí không tự chủ		1.428.732.000		1.428.732.000
+	Kinh phí gia hạn, đào tạo phần mềm kế toán, quản lý ngân sách, quản lý lương và tài sản công		188.000.000		188.000.000
+	Khen thưởng		60.000.000		60.000.000
+	Quỹ tiền thưởng năm 2025		680.732.000		680.732.000
+	Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà 1 tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hùng Cường		500.000.000		500.000.000
-	Kinh phí tự chủ		3.020.196.402	0	3.020.196.402
2.6.1.2	Phòng Văn hóa - xã hội, trong đó:		1.770.231.000	1.395.231.000	375.000.000
2.6.1.3	Phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị:		890.082.000	625.082.000	265.000.000
2.6.1.4	Trung tâm hành chính công		865.806.000	560.606.000	305.200.000
+	Chi phí sinh hoạt và hỗ trợ trang phục bộ phận một cửa		170.200.000		170.200.000
2.6.2	Hội đồng nhân dân: trong đó		2.260.809.000	1.685.809.000	575.000.000
-	Phụ cấp đại biểu HĐND		1.007.259.000	1.007.259.000	

STT	Tên đơn vị	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND phường Sơn Nam giao	Chi tiết	
				Lương, PC, đóng góp	Chi hoạt động, NVCM
-	Hỗ trợ công tác chuyên môn: Chi hoạt động tổ chức các kỳ họp, hoạt động giám sát, họp, tiếp xúc cử tri, ...		575.000.000		575.000.000
2.6.3	Đảng, trong đó:		7.974.781.000	5.169.807.000	2.804.974.000
-	Kinh phí không tự chủ:				
+	Đại hội chi bộ thôn, khu phố		259.974.000		259.974.000
+	Hỗ trợ hoạt động các chi bộ		70.000.000		70.000.000
+	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ phường		1.400.000.000		1.400.000.000
+	Khen thưởng		20.000.000		20.000.000
-	Kinh phí tự chủ		1.055.000.000		1.055.000.000
2.6.4	Cơ quan UBMTTQ		6.646.210.000	5.791.710.000	854.500.000
-	Hoạt động đoàn thể		392.000.000		392.000.000
-	Hoạt động thôn, phụ phố		287.500.000		287.500.000
-	Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cụm khu dân cư		80.000.000		80.000.000
-	Ban Thanh tra nhân dân		25.000.000		25.000.000
-	Hoạt động hè		70.000.000		70.000.000
2.7	Chi khác		76.000.000	0	76.000.000
-	Hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng		41.000.000		41.000.000
-	Hỗ trợ hội Cựu thanh niên xung phong		15.000.000		15.000.000
-	Quỹ khuyến học đại hội		10.000.000		10.000.000
-	Hỗ trợ Quỹ Công đoàn xã		10.000.000		10.000.000
2.8	Trung tâm dịch vụ văn hóa xã hội		305.423.000	305.423.000	0
III	Dự phòng ngân sách	2.380.000.000	3.999.000.000		3.999.000.000
B	CHI BSMT TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	11.200.000.000	13.974.000.000	0	13.974.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ nghĩa trang thôn Văn Tường đến trại nhà bà Quý bô Tây sông Đông Lộ thôn Triều Tiên - Văn Tường; Tuyến 2: Từ nhà ông Cần đến đường QH 20,5m thôn Đoàn Thượng)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường Liên xã đến nhà bà Phạm Thị Thi đội 11 thôn Tân Hưng xã Hùng Cường)		700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng (đoạn từ đường ngõ cu Kỳ đến nhà ông Xuê thôn phương Hoàng, xã Hùng Cường)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên xã đến hết nhà ông Hoa đội 6 thôn Tân Hưng)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên thôn đến đường Ông Ủy thôn Đông Hạ)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ thôn Đông Hạ đến thôn Phương Hoàng)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Khương, thôn Phương Hoàng, xã Hùng Cường		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa duy tu đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ nhà Hiếu Lan đến KDC mới khu phố Kim Đăng)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Cảnh thôn Tân Mỹ 2)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ nhà bà Thêm đến nhà ông Trăm, thôn Tân Mỹ 1)		700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Lành đến ruộng thôn Kê Châu 1 và thôn Kê châu 2)		700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Am đến kênh tưới thôn Kê Châu 1)		700.000.000		700.000.000

STT	Tên đơn vị	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND phường Sơn Nam giao	Chi tiết	
				Lương, PC, đóng góp	Chi hoạt động, NVCM
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thuận đến đường trục xã, thôn Kệ Châu 1)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thành đến ruộng thôn Kệ Châu 2)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ kênh Thủy Nông đến nhà ông Cửu thôn Tân Mỹ 1)		700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ đường trục đến nhà ông Thủy thôn Tân Trung)		700.000.000		700.000.000
-	Hỗ trợ phục vụ sơ tuyển quân, khám sức khỏe NVQS		30.000.000		30.000.000
-	Xây dựng phần mềm quản lý và số hóa hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội		240.000.000		240.000.000
-	Mua trang thiết bị, vật tư phục vụ thu gom vận chuyển rác (xe thu + thùng container)		264.000.000		264.000.000
-	Tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp		725.000.000		725.000.000
-	Kinh phí phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Hưng Yên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050		200.000.000		200.000.000
-	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất		190.000.000		190.000.000
-	Chi phí đấu giá đất theo thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025		125.000.000		125.000.000
-	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cả, phường Lam Sơn		1.000.000.000		1.000.000.000





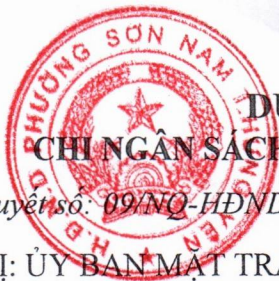
DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: ĐẢNG ỦY PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
1	Kinh phí tự chủ	6.294.807.000	2.815.447.635	3.479.359.365
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	2.866.205.575	1.083.061.575	1.783.144.000
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	2.303.601.425	1.300.326.300	1.003.275.125
-	Chi hoạt động: Trong đó:	1.125.000.000	432.059.760	692.940.240
+	Hoạt động Văn phòng Đảng ủy	830.000.000	426.879.760	403.120.240
+	Hoạt động ban xây dựng Đảng (8 ng x 15tr)	120.000.000		120.000.000
+	Hoạt động UBKT Đảng (7 ng x 15 tr)	105.000.000		105.000.000
+	Chi hoạt động các chi bộ thôn (3,5 triệu/1 thôn)	70.000.000	5.180.000	64.820.000
2	Kinh phí không tự chủ:	1.679.974.000	282.624.000	1.397.350.000
-	Đại hội Đảng bộ phường	1.400.000.000	13.900.000	1.386.100.000
-	Đại hội các chi bộ	259.974.000	258.804.000	1.170.000
-	Khen thưởng	20.000.000	9.920.000	10.080.000
	Cộng	7.974.781.000	3.098.071.635	4.876.709.365



DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
I	Kinh phí tự chủ	6.646.210.000	3.837.730.579	2.808.479.421
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	2.035.767.300	1.308.649.399	727.117.901
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	3.755.942.700	2.167.758.200	1.588.184.500
-	Chi hoạt động: Trong đó:	854.500.000	361.322.980	493.177.020
+	Hoạt động đoàn thể	392.000.000	233.272.980	158.727.020
+	Hoạt động thôn, khu phố	287.500.000	111.280.000	176.220.000
+	Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cụm khu dân cư	80.000.000	0	80.000.000
+	Ban Thanh tra nhân dân	25.000.000	10.290.000	14.710.000
+	Hoạt động hè (15 triệu/đv)	70.000.000	6.480.000	63.520.000
	Cụ thể:			
1.1	MTTQ	2.109.256.616	1.092.113.616	1.017.143.000
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	694.063.716	327.640.716	366.423.000
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	1.158.192.900	672.642.900	485.550.000
-	Hoạt động MTTQ (12 triệu/đv/năm)	92.000.000	56.520.000	35.480.000
-	Hoạt động ban CTMT thôn, phu phố (3 triệu đồng/thôn)	60.000.000	25.020.000	34.980.000
-	Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cụm khu dân cư (loại 2: 4 triệu/thôn; loại 3: 3,5 triệu /thôn)	80.000.000	0	80.000.000
-	Ban Thanh tra nhân dân	25.000.000	10.290.000	14.710.000
1.2	Đoàn thanh niên CSHCM	1.001.050.885	590.926.485	410.124.400
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	371.423.985	276.879.985	94.544.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	454.626.900	256.896.900	197.730.000
-	Hoạt động ĐTN (12 triệu/đv/năm)	55.000.000	29.289.600	25.710.400
-	Hoạt động hè (15 triệu/đv)	70.000.000	6.480.000	63.520.000
-	Hoạt động thôn, khu phố (2,5 tr/thôn)	50.000.000	21.380.000	28.620.000
1.3	Hội LHPN	883.684.408	564.151.688	319.532.720
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	366.430.808	259.040.808	107.390.000
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	407.253.600	232.923.600	174.330.000
-	Hoạt động HPN (12 triệu/đv/năm)	60.000.000	42.387.280	17.612.720
-	Hoạt động thôn, khu phố (2,5 tr/thôn)	50.000.000	29.800.000	20.200.000
1.4	Hội nông dân	891.469.118	563.721.118	327.748.000
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	362.417.818	268.579.818	93.838.000
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	414.051.300	239.721.300	174.330.000
-	Hoạt động HND (12 triệu/đv/năm)	65.000.000	44.920.000	20.080.000
-	Hoạt động thôn, khu phố (2,5 tr/thôn)	50.000.000	10.500.000	39.500.000
1.5	Hội Cựu chiến binh	782.012.973	481.426.172	300.586.801
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	241.430.973	176.508.072	64.922.901
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	426.582.000	247.572.000	179.010.000
-	Hoạt động CCB (12 triệu/đv/năm)	64.000.000	36.266.100	27.733.900
-	Hoạt động thôn, khu phố (2,5 tr/thôn)	50.000.000	21.080.000	28.920.000
1.6	Hội người cao tuổi	565.088.000	311.446.500	253.641.500
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	503.588.000	293.946.500	209.641.500
-	Hoạt động NCT (12 triệu/đv/năm)	34.000.000	14.000.000	20.000.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
-	Hoạt động thôn, khu phố (2,5 tr/thôn)	27.500.000	3.500.000	24.000.000
1.7	Hội Chữ thập đỏ	413.648.000	233.945.000	179.703.000
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	391.648.000	224.055.000	167.593.000
-	Hoạt động	22.000.000	9.890.000	12.110.000





DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND - UBND PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
I	Văn phòng HĐND - UBND phường	12.864.282.000	7.443.406.568	5.420.875.432
1	Kinh phí tự chủ. Trong đó:	10.710.550.000	7.344.531.568	3.366.018.432
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	3.050.620.598	2.358.768.990	691.851.608
-	PC CB KCT, người trực tiếp ở thôn, khu phố	1.732.302.000	1.016.262.000	716.040.000
-	Chi hoạt động của UBND (hợp, điện, nước, vpp.....)	3.020.196.402	2.202.251.000	817.945.402
-	Chi công tác ANTT địa phương	1.416.780.000	826.920.000	589.860.000
+	Hỗ trợ tổ ANTT cơ sở	1.416.780.000	826.920.000	589.860.000
-	Chi công tác quốc phòng	1.490.651.000	940.329.578	550.321.422
+	Lương, PC, các khoản đóng góp	441.965.000	288.000.578	153.964.422
+	PC CB KCT	598.686.000	322.686.000	276.000.000
+	Chi hoạt động	420.000.000	299.673.000	120.327.000
+	Hỗ trợ phục vụ sơ tuyển quân, khám sức khỏe NVQS	30.000.000	29.970.000	30.000
2	Kinh phí không tự chủ:	2.153.732.000	98.875.000	2.054.857.000
-	Kinh phí gia hạn, đào tạo phần mềm kế toán, QLTS, quản lý ngân sách, quản lý lương và đầu tư công	188.000.000	96.000.000	92.000.000
-	Khen thưởng	60.000.000	2.875.000	57.125.000
-	Quỹ tiền thưởng	680.732.000		680.732.000
-	Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà 1 tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hùng Cường	500.000.000		500.000.000
-	Tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp	725.000.000		725.000.000
II	Hội đồng nhân dân phường	2.260.809.000	983.617.108	1.277.191.892

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	678.550.000	406.732.248	271.817.752
-	Phụ cấp đại biểu HĐND	1.007.259.000	447.981.300	559.277.700
-	Chi hoạt động của HĐND (họp, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, ...)	575.000.000	128.903.560	446.096.440
II	Phòng Văn hóa - xã hội	5.096.603.000	3.228.054.653	1.868.548.347
1	Quản lý nhà nước	3.204.255.000	2.042.399.253	1.161.855.747
a	Kinh phí tự chủ. Trong đó:	2.094.255.000	1.119.545.253	974.709.747
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	1.395.231.000	790.230.933	605.000.067
-	Hoạt động thể dục thể thao	87.000.000	69.648.020	17.351.980
-	Hoạt động theo định mức (10ng x 15tr)	375.000.000	181.918.300	193.081.700
-	Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	20.000.000		20.000.000
-	PC CB KCT (đài truyền thanh)	115.024.000	58.968.000	56.056.000
-	Hoạt động phát thanh, truyền thanh (sửa chữa....)	102.000.000	18.780.000	83.220.000
b	Kinh phí không tự chủ	1.110.000.000	922.854.000	187.146.000
-	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố Đặng Châu, P. Lam Sơn	500.000.000	472.854.000	27.146.000
-	Xây dựng phần mềm quản lý và số hóa hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội	240.000.000	240.000.000	
-	Đại hội thể dục thể thao	370.000.000	210.000.000	160.000.000
2	Sự nghiệp y tế, DS-KHHGĐ	856.220.000	675.247.000	180.973.000
a	Kinh phí tự chủ	356.220.000	181.200.000	175.020.000
-	PC người làm việc ở thôn (y tế thôn)	330.020.000	169.650.000	160.370.000
-	Hoạt động (DS-KHHGĐ)	26.200.000	11.550.000	14.650.000
b	Kinh phí không tự chủ	500.000.000	494.047.000	5.953.000
-	Cải tạo, sửa chữa mái và khuôn viên trạm y tế xã Hùng Cường	500.000.000	494.047.000	5.953.000
3	Bảo đảm xã hội	1.036.128.000	510.408.400	525.719.600

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
-	PC cán bộ già yếu nghỉ việc	890.128.000	492.211.300	397.916.700
-	Công tác chính sách	146.000.000	18.730.000	127.270.000
IV	Phòng Kinh tế - HT và ĐT	3.092.386.000	982.478.000	2.109.908.000
1	Giao thông	75.000.000	36.100.000	38.900.000
2	Sự nghiệp Nông nghiệp	242.304.000	143.758.000	98.546.000
-	PC CBKCT (Thú y chăn nuôi)	153.608.000	79.372.000	74.236.000
-	Hoạt động	88.696.000	64.386.000	24.310.000
3	Thuỷ lợi nội đồng:	260.000.000	82.236.000	177.764.000
4	Sự nghiệp Thị chính	500.000.000	492.855.000	7.145.000
-	Sửa chữa, bảo dưỡng bốn hoa trung tâm KDC mới số 1 xã Bảo Khê	500.000.000	492.855.000	7.145.000
5	Quản lý nhà nước	1.405.082.000	0	1.405.082.000
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	625.082.000		625.082.000
-	Hoạt động theo định mức (1 lng x 15tr)	165.000.000		165.000.000
-	Phòng chống lụt bão	50.000.000		50.000.000
-	Thuê đơn vị xác định giá đất	190.000.000		190.000.000
-	Kinh phí phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Hưng Yên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	200.000.000		200.000.000
-	Chi phí đấu giá đất theo thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025	175.000.000		175.000.000
6	Chi khác (hỗ trợ)	76.000.000	17.800.000	58.200.000
-	Hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng	41.000.000	10.000.000	31.000.000
-	Hỗ trợ hội Cựu thanh niên xung phong	15.000.000	7.800.000	7.200.000
-	Quỹ khuyến học đại hội	10.000.000		10.000.000
-	Hỗ trợ Quỹ Công đoàn xã	10.000.000		10.000.000
7	Bảo vệ môi trường	534.000.000	209.729.000	324.271.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
-	Chi hoạt động	270.000.000	209.729.000	60.271.000
-	Mua trang thiết bị, vật tư phục vụ thu gom vận chuyển rác (xe thu + thùng container)	264.000.000		264.000.000
V	Chi nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	12.200.000.000	691.319.538	11.508.680.462
-	Sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ nghĩa trang thôn Vạn Tường đến trại nhà bà Quý bờ Tây sông Đồng Lỗ thôn Triều Tiên - Vạn Tường; Tuyến 2: Từ nhà ông Cẩn đến đường QH 20,5m thôn Đoàn Thượng)	700.000.000	691.319.538	8.680.462
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường Liên xã đến nhà bà Phạm Thị Thi đội 11 thôn Tân Hưng xã Hùng Cường)	700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng (đoạn từ đường ngõ cụ Kỳ đến nhà ông Xuê thôn phượng Hoàng, xã Hùng Cường)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên xã đến hết nhà ông Hoa đội 6 thôn Tân Hưng)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên thôn đến đường Ông Ủy thôn Đông Hạ)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ thôn Đông Hạ đến thôn Phượng Hoàng)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Khương, thôn Phượng Hoàng, xã Hùng Cường	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa duy tu đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ nhà Hiếu Lan đến KDC mới khu phố Kim Đăng)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Cảnh thôn Tân Mỹ 2)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ nhà bà Thêm đến nhà ông Trăm, thôn Tân Mỹ 1)	700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Lành đến ruộng thôn Kệ Châu 1 và thôn Kệ châu 2)	700.000.000		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Am đến kênh tưới thôn Kệ Châu 1)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thuận đến đường trục xã, thôn Kệ Châu 1)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thành đến ruộng thôn Kệ Châu 2)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ kênh Thủy Nông đến nhà ông Cửu thôn Tân Mỹ 1)	700.000.000		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ đường trục đến nhà ông Thủy thôn Tân Trung)	700.000.000		700.000.000
-	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cả, phường Lam Sơn	1.000.000.000		1.000.000.000
	Cộng	35.514.080.000	13.328.875.867	22.185.204.133

DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
I	Trung tâm phục vụ hành chính công	865.806.000	100.700.000	765.106.000
1	Kinh phí tự chủ	695.606.000	0	695.606.000
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	560.606.000		560.606.000
-	Chi hoạt động theo định mức (9 người x 15tr)	135.000.000		135.000.000
2	Kinh phí không tự chủ	170.200.000	100.700.000	69.500.000
-	Chi phí sinh hoạt và hỗ trợ trang phục bộ phận một cửa	170.200.000	100.700.000	69.500.000



DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VĂN HÓA XÃ HỘI PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
I	Trung tâm dịch vụ văn hóa xã hội	305.423.000	0	305.423.000
1	Kinh phí tự chủ	305.423.000	0	305.423.000
-	Lương, PC, các khoản đóng góp	305.423.000		305.423.000
2	Kinh phí không tự chủ	0	0	0

DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND phường Sơn Nam)

ĐƠN VỊ: CÔNG AN PHƯỜNG SƠN NAM

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI
I	BAN CÔNG AN	310.000.000	286.724.426	23.275.574
-	Chi hoạt động	310.000.000	286.724.426	23.275.574